

Công văn

V/v: Giải trình KQKD hợp nhất
 kỳ kế toán 01/10/2019-31/12/2019

Tiền Giang, ngày 10 tháng 02 năm 2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, áp dụng tại Mục 4, Mục 5, Điều 11:

“4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;
- b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;
- c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;
- d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

5. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp.”

Bảng thể hiện các thay đổi trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa kỳ kế toán 01/10/2019-31/12/2019 (kỳ chuyển tiếp năm 2020) so với kỳ kế toán 01/10/2018-31/12/2018 (quý 1 năm 2019):

CHỈ TIÊU	1/10/2019-31/12/2019	1/10/2018-31/12/2018	CHÊNH LỆCH	
			Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	732.645.672.204	1.352.339.896.700	(619.694.224.496)	-45,82%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	3.563.265.803	7.379.295.897	(3.816.030.094)	-51,71%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	729.082.406.401	1.344.960.600.803	(615.878.194.402)	-45,79%
4. Giá vốn hàng bán	770.602.060.742	1.189.737.447.894	(419.135.387.152)	-35,23%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(41.519.654.341)	155.223.152.909	(196.742.807.250)	-126,75%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	772.622.075	2.166.752.373	(1.394.130.298)	-64,34%
7. Chi phí tài chính	81.426.862.482	55.131.369.271	26.295.493.211	47,70%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	69.893.498.302	49.461.181.467	20.432.316.835	41,31%
8. Phần lợi nhuận trong công ty liên kết, liên doanh	(10.661.529.270)	1.855.851.624	(12.517.380.894)	-674,48%
9. Chi phí bán hàng	26.760.870.610	62.347.510.761	(35.586.640.151)	-57,08%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	95.143.602.430	16.704.893.078	78.438.709.352	469,56%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(254.739.897.058)	25.061.983.796	(279.801.880.854)	-1.116,44%
12. Thu nhập khác	9.996.921.754	1.079.926.756	8.916.994.998	825,70%
13. Chi phí khác	4.289.141.424	4.120.909.243	168.232.181	4,08%
14. Lợi nhuận khác	5.707.780.330	-3.040.982.487	8.748.762.817	-287,70%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(249.032.116.728)	22.021.001.309	(271.053.118.037)	-1.230,88%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.595.870.459	517.499.789	4.078.370.670	788,09%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2.676.761.151)	-	(2.676.761.151)	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(250.951.226.036)	21.503.501.520	(272.454.727.556)	-1.267,02%
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(253.995.789.992)	18.111.387.140	(272.107.177.132)	-1.502,41%
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	3.044.563.956	3.392.114.380	(347.550.424)	-10,25%
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-1.144	82	-1.225	

Căn cứ các số liệu thể hiện ở bảng trên, Công ty Cổ Phần Hùng Vương (“Công ty”) (mã chứng khoán HVG) xin được giải trình các thay đổi trọng yếu như sau:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 45,82% (tương ứng 619,6 tỷ đồng) do hoạt động xuất khẩu cá tra đến các thị trường bị chững lại.

Từ tháng 10/2019, sức mua ở hầu hết các thị trường đều giảm mạnh do cung vượt quá cầu. Riêng 2 thị trường lớn nhất là Mỹ và Trung Quốc, lượng sản phẩm cá tra nói chung còn tồn ở đây phải mất ít nhất 6 tháng để tiêu thụ hết.

2. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 126,75% (tương ứng 196,7 tỷ đồng)

Giai đoạn 2018 - 2019, do tình hình phát triển nóng của cá tra, diện tích nuôi trồng mở rộng không theo quy hoạch, giá cá nguyên liệu đầu vào giảm mạnh từ mức 34.000 đồng/kg (tháng 2/2019) xuống còn 18.000 đồng/kg (tháng 2/2020) làm giá xuất khẩu giảm theo, trong khi hàng tồn kho của Công ty giá thành đang ở mức cao;

Sự sụt giảm ở cả 2 yếu tố: sản lượng và giá trị dẫn đến lãi gộp hoạt động xuất khẩu thủy sản và hoạt động bán thủy sản nội địa giảm lần lượt là 86,1 tỷ đồng đối với xuất khẩu và 163,6 tỷ đồng đối với nội địa.

3. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 64,34% (tương ứng 1,3 tỷ đồng) chủ yếu do lãi chênh lệch tỷ giá.

4. Chi phí tài chính tăng 47,7% (tương ứng 26,2 tỷ đồng) do các nguyên nhân sau:

- Chi phí lãi vay tăng 20,4 tỷ đồng so với quý 1 năm 2019;

- Lợi thế thương mại tăng 8,4 tỷ so với quý 1 năm 2019 do tiếp tục phân bổ khoản lợi thế này từ việc mua lại 2 công ty giống tại An Giang và Bình Định trong quý 3 năm 2019.

5. Chi phí bán hàng giảm 57,08% (tương ứng 35,5 tỷ đồng) tương ứng với sản lượng xuất khẩu giảm;

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 469,56% (tương ứng 78,4 tỷ đồng) chủ yếu do số dự phòng nợ phải thu khó đòi lập trong kỳ chuyển tiếp năm 2020 là 77 tỷ đồng;

7. Các chỉ tiêu khác ảnh hưởng không đáng kể.

Ảnh hưởng của các yếu tố trên làm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ kế toán 01/10/2019-31/12/2019 giảm 272,4 tỷ đồng so với kỳ kế toán 01/10/2018-31/12/2018.

Trên đây là giải trình cho các thay đổi trọng yếu của số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất kỳ kế toán 01/10/2019-31/12/2019 so với kỳ kế toán 01/10/2018-31/12/2018 của Công ty Cổ Phần Hùng Vương.

Trân trọng.


TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
HÙNG VƯƠNG
DƯƠNG NGỌC MINH

Nơi nhận: - Như trên
- Bộ phận tài chính kế toán